

**TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

(Kèm theo tờ trình số _____ của Hội đồng quản trị ngày ____ / ____ /2021)

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
1.	Điều 1. Định nghĩa		“ Người Có Quan Hệ Gia Đình ” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Khoản 23 Điều 4 LDN
2.	Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông</u> trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> tại thời điểm đề xuất/yêu cầu có các quyền sau: a) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp; b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty; c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối	Khoản 2, 3, 5 Điều 115 LDN

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
			<p>với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ theo khoản 4 Điều 18 Điều lệ.</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại thời điểm đề xuất/yêu cầu có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ.</p>	
3.	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông		6. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác	Khoản 5 Điều 119 LDN
4.	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	2. ... ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời hạn họp ĐHĐCĐ thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	6. ... ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty có quy định khác, <u>HQĐT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên</u> trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 2 Điều 139 LDN
5.	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	2... b) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;	2. .. j) <u>Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần</u>	Điểm 1 , m Khoản 2 Điều 138 LDN

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
			thiết; s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty, <u>Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.</u>	
6.	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHCĐ phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của công ty</u> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).</u></p>	Khoản 2 Điều 144 LDN và ĐLM
7.	Điều 18. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	3... Thông báo họp ĐHCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ...</u>	3 ... Người triệu tập họp ĐHCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ...</u>	Khoản 1 Điều 143 LDN
			5. ... Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này thì chậm	Khoản 3 Điều 142 LDN

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
			nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
8.	Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết	Khoản 1 Điều 145 LDN
9.	Điều 23. Biên bản họp ĐHĐCĐ	i) Chữ ký của Thư ký và Chủ tọa	i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</u>	Khoản 1 Điều 150 LDN
10.	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố <u>tối thiểu ba (03) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố <u>tối thiểu 10 ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.	Điểm a Khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán
		2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục <u>ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề</u>	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo quy định sau: a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo các Cổ Đông dự họp biết hoặc gửi nội dung cho người triệu tập họp ĐHĐCĐ thông báo cho các cổ đông dự họp trước đại hội khi tiến hành nội dung bầu cử. b) <u>Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT cần bầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người tối đa không quá số lượng thành</u>	Khoản 5 Điều 115 LDN

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
		<u>cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u>	<u>viên HĐQT cần bầu.</u>	
11.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị	1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định	1. Số lượng thành viên HĐQT <u>là 09 người</u> . Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi theo quyết định của ĐHĐCĐ	Khoản 1 Điều 154 LDN
			2. ... Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Khoản 2, 3 Điều 154 LDN
		5. Thay thế thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ Trong trường hợp bị khuyết thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ, trừ trường hợp phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại điểm c) khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, HĐQT có thể đề trống vị trí đó cho đến cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ hoặc bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên	1. Thay thế thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều Lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều Lệ này; c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	Khoản 4 Điều 160 LDN

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
		HDQT đó vẫn được coi là có hiệu lực.		
12.	Điều 44. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị	5. Thông báo họp HDQT phải được gửi trước cho các thành viên HDQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp	5. Chủ tịch HDQT hoặc người triệu tập họp HDQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03 ngày làm việc</u> trước ngày họp	Khoản 6 Điều 157 LDN
			12. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HDQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HDQT.	Khoản 2 Điều 158 LDN
13.	Điều 37. Kiểm soát viên	3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.	3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.	Khoản 2 Điều 168 LDN
14.	Điều 40. Trách nhiệm ngăn ngừa xung đột lợi ích		1.c. Thành viên HDQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HDQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HDQT chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết	Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
			này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin	
			<p>3... b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên <u>hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất</u> giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác và người có liên quan của các đối tượng này; – Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công Ty và những Người Có Liên Quan của họ; – Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>c) <u>Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó</u></p>	<p>Điểm b, c Khoản 4 Điều 293 Nghị định 55/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 167 LDN</p>
15.	Điều 53. Dấu của Công ty	1. HĐQT quyết định thông qua số lượng và mẫu con dấu chính thức của Công ty; quyết định thông qua quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Công ty.	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu <u>hoặc dấu dưới hình thức chữ ký</u> số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty. Trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp đã được ĐHCĐ thông qua, con dấu sẽ được khắc lại theo tên mới mà không cần một quyết định của HĐQT với điều kiện không làm thay đổi hình thức, bố cục, kích</p>	Khoản 1 Điều 43 LDN

STT	Tên Điều được sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ
				Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)
			thước, màu sắc con dấu.	
16.	Các Phụ lục		Phụ lục III. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày thành lập 18/06/2004	Điểm d Khoản 1 Điều 24 LDN
			Phụ lục IV. Quyền và nghĩa vụ của mỗi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Khoản 2 Điều 12 LDN